

Bản án số: 06/2025/DS -ST
Ngày 25 tháng 03 năm 2025
(V/v: Tranh chấp kiện đòi nợ)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ỨNG HÒA, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Bùi Thanh Minh**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Đặng Viết Hùng** và bà **Nguyễn Thị Vân**

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ứng Hoà, thành phố Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ứng Hoà tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Gia Ánh - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 03 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ứng Hoà xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 144/2024/TLST- DS ngày 31 tháng 12 năm 2024 về Tranh chấp kiện đòi tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2025/QĐXXST- DS ngày 11 tháng 02 năm 2025 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông Dương Quang T – sinh năm: 1968 (có mặt)

Địa chỉ: thôn D, xã H, huyện Ú, TP .

Đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Văn H – sinh năm: 2002 (có mặt)

Địa chỉ: tầng F, số C, ngõ C phố P, phường C, quận B, TP .

Luật sư bảo vệ quyền lợi hợp pháp của ông T: ông Dương Hoàng A – thuộc công ty L1 (có mặt)

- **Bị đơn:** Anh Đinh Văn M – sinh năm: 1979 (Có mặt)

HKTT: thôn Đ, xã T, huyện Ú, TP .

- **Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:** chị Nguyễn Thị L – sinh năm: 1982 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện Ú, TP .

- **Người làm chứng:** Anh Nguyễn Văn Q – sinh năm: 1992 (Có mặt)

Địa chỉ: thôn V, xã H, huyện M, thành phố Hà Nội

(Chị Nguyễn Thị L có văn bản ủy quyền cho anh Đinh Văn M)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại Đơn khởi kiện, bản tự khai cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Anh Đinh Văn M là người nhận thi công điện, nước dân dụng cho các công trình xây dựng trên địa bàn huyện Ú, thành phố Hà Nội. Khoảng cuối năm 2022, anh M đã nhận thi công điện nước cho các công trình gồm: Trường Tiểu học xã Đ, Trường Tiểu học xã H, Trường mầm non xã H; Bệnh viện Đ.

Sau đó, anh M thuê ông Dương Quang T thực hiện thi công, lắp đặt hệ thống điện nước dân dụng cho các công trình nêu trên. Vì có sự tin tưởng về mối quan hệ trong công việc và cũng là bạn bè từ trước với nhau nên hai bên thống nhất: việc thanh toán thì để anh M đại diện thực hiện với chủ công trình cho có sự thống nhất, vì anh M làm việc với chủ công trình từ ban đầu. Ông T hoàn thành thiết kế, thi công xong ở công trình nào thì sẽ chốt khối lượng ở công trình đó và anh M nhận tiền từ chủ công trình về sẽ phải trả ngay cho ông T phần tiền công của ông T ở công trình đó. Tất cả mọi thỏa thuận của ông T và anh M về vấn đề tiền công, các công việc phải làm đều là thỏa thuận bằng miệng với nhau, không được thể hiện bằng văn bản cụ thể.

Trong khoảng thời gian từ tháng 1 năm 2023 đến tháng 9 năm 2023, ông T cùng với anh Nguyễn Văn Q đã hoàn thành việc thiết kế, lắp đặt hệ thống điện nước cho các công trình nêu trên. Tuy nhiên, anh M đã không thực hiện đúng như những gì mà anh M đã trao đổi với ông T. Đến ngày 27/9/2023 ông T và anh M đã lập “Biên bản bàn giao khối lượng thi công điện nước” thống nhất về chi phí mà anh M phải trả cho ông trong khoảng thời gian mà ông T thiết kế, thi công điện nước cho các công trình trên, tổng số tiền mà anh M phải trả cho ông T là 570.685.000 đồng (Bằng chữ: Năm trăm bảy mươi triệu sáu trăm tám mươi lăm nghìn đồng). Tiến độ thanh toán số tiền trên được hai bên thỏa thuận như sau: anh M có trách nhiệm thanh toán 80% số tiền trên trong vòng 60 ngày kể từ ngày bàn giao (ngày 27/09/2023); 20% số tiền còn lại sẽ thanh toán trong vòng 30 ngày kể từ ngày thanh toán lần 1.

Hết thời hạn thỏa thuận, anh M mới chỉ thanh toán cho ông T một phần số tiền công với giá trị là 343.400.000 VNĐ (Bằng chữ: Ba trăm bốn mươi ba triệu bốn trăm nghìn đồng). Số tiền anh Đinh Văn M còn chưa trả cho ông

T là 227.285.000 VNĐ (Bằng chữ: Hai trăm hai mươi bảy triệu hai trăm tám mươi lăm nghìn đồng) và 9.500.000 VNĐ (Bằng chữ: Chín triệu năm trăm ngàn đồng) tiền phụ cấp. Tổng số tiền là 236.785.000 VNĐ (Bằng chữ: Hai trăm ba mươi sáu triệu bảy trăm tám mươi năm ngàn đồng)

Quá hạn thanh toán, anh M không có động thái trả tiền, nay để đảm bảo quyền lợi của ông, nên ông khởi kiện anh M ra Tòa. Đề nghị Tòa buộc anh M phải trả ông số tiền công còn lại cụ thể là: 236.785.000 VNĐ (Bằng chữ: Hai trăm ba mươi sáu triệu bảy trăm tám mươi năm ngàn đồng) và tiền lãi 26.145.010 đồng (Trong đó lãi trong hạn là: 5.919.625 đồng; lãi trên nợ lãi là: 493.302 đồng; lãi chậm trả: 19.732.083 đồng.). Tổng là: 262.930.010 đồng.

Ngày 13/2/2025, Anh Lê Văn H, đại diện theo ủy quyền của ông Dương Quang T có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện cụ thể: ông Dương Quang T rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu buộc anh Đinh Văn M trả tiền lãi trên nợ gốc trong hạn chưa trả và tiền lãi trên nợ lãi chưa trả. Ông Dương Quang T yêu cầu Tòa án các nội dung:

Buộc anh Đinh Văn M thanh toán trả ông Dương Quang T tổng số tiền là 262.436.708 đồng (Hai trăm sáu mươi hai triệu, bốn trăm ba mươi sáu nghìn, bảy trăm linh tám đồng. Trong đó:

1. Nợ gốc là: 236.785.000 đồng
2. Tiền lãi chậm trả trong 13 tháng tính từ ngày 28/12/2023 đến 28/01/2024 lãi suất 10%/năm: tổng tiền lãi là: 25.651.708 đồng.
3. Buộc anh Đinh Văn M phải thanh toán cho ông Dương Quang T tiền lãi phát sinh do chậm trả tiền tương ứng với thời gian chậm trả tính từ thời điểm bản án có hiệu lực pháp luật đến thời điểm thực hiện nghĩa vụ trả tiền với lãi phát sinh do chậm trả tiền theo quy định của pháp luật tại thời điểm thanh toán.

4. Án phí: Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản hoà giải bị đơn anh Đinh Văn M trình bày: Anh và ông Dương Quang T có kết hợp làm ăn, anh thuê ông T làm một số hàng mục của một số công trình xây dựng như ông T trình bày là đúng. Tổng số tiền anh phải thanh toán cho ông T là 570.685.000 đồng. Sau khi kết thúc các công việc anh đã thanh toán được cho ông Tích số tiền là 343.400.000 đồng và còn nợ ông Tích số tiền là: 236.785.000 đồng

(Hai trăm ba mươi sáu triệu, bảy trăm tám mươi lăm nghìn đồng.) như ông T trình bày là đúng và không có ý kiến gì.

Do làm ăn gặp khó khăn nên anh chưa thanh toán được cho ông Tích số tiền này. Nhiều lần ông T có xuống gặp anh đòi tiền nhưng do chưa có nên anh có hẹn và viết giấy hẹn trả nợ ngày 01/5/2024 và ngày 03/2/2024 như ông T trình bày là đúng. Trong giấy hẹn trả nợ thì hai bên chỉ hẹn ngày trả nợ chứ không có thỏa thuận gì về lãi suất của khoản nợ chưa thanh toán.

Nay do không trả được nợ như đã hẹn, ông T có khởi kiện anh ra Tòa, quan điểm của anh, anh thừa nhận có nợ ông Tích số tiền 236.785.000 đồng (Hai trăm ba mươi sáu triệu, bảy trăm tám mươi lăm nghìn đồng.). Anh xin trả dần cho ông Tích số tiền này theo lộ trình: bắt đầu từ tháng 4/2025, mỗi tháng trả ông ít nhất là 10.000.000 đồng. Nếu ông tính lãi thì anh xin ông toàn bộ phần lãi vì anh thực sự không có khả năng thanh toán lãi.

Đối với chị Nguyễn Thị L là vợ anh, anh M có quan điểm: đây là khoản nợ liên quan đến công việc làm ăn của anh, không liên quan đến chị L, chị L cũng không biết việc này, do đó, anh sẽ chịu trách nhiệm hoàn toàn với khoản nợ này.

Về án phí: anh đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật. Do hoàn cảnh kinh tế khó khăn, nếu phải chịu án phí thì anh đề nghị Hội đồng xét xử xem xét miễn giảm án phí cho anh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ứng Hòa phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thực hiện đầy đủ các quy định về tố tụng dân sự như tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho các đương sự, tạo điều kiện cho họ được trình bày quan điểm, tiến hành hòa giải theo đúng quy định. Hội đồng tiến hành xét xử vụ án đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; lời khai của các đương sự tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp dân sự quy định tại Điều 26, điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Ông Dương Quang T đã khởi kiện đã làm đơn theo đúng mẫu, nộp tạm ứng án phí theo quy định của pháp luật nên Tòa án nhân dân huyện Ứng Hòa thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng và tạo điều kiện cho các bên trình bày, hoà giải theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Xét về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Căn cứ vào lời khai của các bên đương sự và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử thấy: Các bên đều thừa nhận và không có ý kiến gì về việc Anh Đinh Văn M còn nợ ông Dương Quang T số tiền công là 236.785.000 đồng (Hai trăm ba mươi sáu triệu, bảy trăm tám mươi lăm nghìn đồng.) như trong Giấy nhận trả tiền công ngày 01/5/2024 ông T xuất trình. Do đó, đây là tình tiết không phải chứng minh quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Hết thời hạn thỏa thuận trong biên bản bàn giao khối lượng thi công nhưng anh M không thanh toán trả ông T tích số tiền còn lại là 236.785.000 đồng. Ông T đã nhiều lần đến đòi, anh M khát nợ và nhiều lần hứa hẹn nhưng không trả do đó anh đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với ông T. Như vậy, đối với yêu cầu buộc anh Đinh Văn M phải thanh toán trả ông Dương Quang T số tiền hàng là 236.785.000 đồng là có căn cứ.

Đối với chị Nguyễn Thị L là vợ anh Đinh Văn M: nhận thấy đây là khoản nợ tiền công của anh M đối với ông T trong quá trình kết hợp làm ăn, không phải khoản nợ chung của hai vợ chồng, do đó, không buộc chị L phải trả nợ cùng anh Đinh Văn M là có căn cứ.

[3] Xét yêu cầu tính lãi chậm thanh toán: Tại đơn khởi kiện và bản tự khai ông Dương Quang T yêu cầu:

- Tiền lãi trên nợ gốc chưa trả trong vòng 3 tháng tính từ ngày 28/9/2023 đến 28/12/2023 là: $236.785.000 \times (10\% : 12) \times 3 = 5.919.625$ đồng.

- Tiền lãi trên nợ lãi chưa trả trong 10 tháng tính từ ngày 28/12/2023 đến 28/10/2024 là $5.919.625 \text{ đồng} \times (10\% : 12) \times 9 = 493.302$ đồng

- Tiền lãi chậm trả trong 10 tháng tính từ ngày 28/12/2023 đến ngày 28/10/2024 là: $236.785.000 \text{ đồng} \times (10\% : 12) \times 10 = 19.732.083$ đồng.

- Buộc anh M phải thanh toán tiền lãi phát sinh do chậm trả tiền tương ứng với thời gian chậm trả tính từ thời điểm bản án có hiệu lực pháp luật đến thời điểm thực hiện nghĩa vụ trả tiền với mức lãi suất phát sinh do chậm trả tiền theo quy định của bộ luật dân sự tại thời điểm thanh toán.

Ngày 13/2/2025, anh Lê Văn H, đại diện theo ủy quyền của ông Dương Quang T có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện cụ thể: anh xin rút yêu cầu buộc anh M phải thanh toán tiền lãi trên nợ gốc trong hạn chưa trả và tiền lãi trên nợ lãi chưa trả. Ông Dương Quang T yêu cầu anh M phải thanh toán tiền lãi chậm trả trong 13 tháng tính từ ngày 28/12/2023 đến 28/01/2024 là: $236.785.000 \text{ đồng} \times (10\%;12) \times 13 \text{ tháng} = 25.651.708 \text{ đồng}$. Và yêu cầu anh M tiếp tục phải chịu tiền lãi phát sinh do chậm trả tiền tương ứng với thời gian chậm trả tính từ thời điểm bản án có hiệu lực pháp luật đến thời điểm thực hiện nghĩa vụ trả tiền với mức lãi suất phát sinh do chậm trả tiền theo quy định của Bộ luật Dân sự tại thời điểm thanh toán.

Bị đơn có quan điểm xin toàn bộ phần lãi, chỉ thanh toán tiền gốc.

Hội đồng xét xử thấy, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của đại diện nguyên đơn là do tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận việc đại diện theo pháp luật của nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện.

Do anh M chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán do đó, ông T có quyền yêu cầu tính lãi đối với khoản tiền chưa thanh toán là phù hợp với quy định của pháp luật quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự. Quá trình làm việc, thống nhất, các bên không thỏa thuận về lãi suất, do đó, khi có yêu cầu lãi suất được áp dụng theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự là 10%/năm.

Hội đồng xét xử nhận thấy: việc Nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán tiền lãi của 13 tháng tính từ ngày 28/12/2023 đến ngày 10/01/2025 với lãi suất là 10%/năm là phù hợp và cần được chấp nhận. Cụ thể số tiền lãi bị đơn phải thanh toán là 25.651.708 đồng.

Bị đơn tiếp tục phải chịu lãi phát sinh do chậm thanh toán với lãi suất là 10%/năm kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ phải thanh toán trên dư nợ gốc, tương ứng với thời gian chậm trả.

[4] Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định là: 262.436.708 đồng x 5% = 13.121.835 đồng; Anh Đinh Văn M có đơn xin miễn giảm tiền án phí nên Hội đồng xét xử xem xét miễn giảm cho anh 50% mức án phí mà anh M phải nộp.

Hoàn trả ông Dương Quang T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.573.250 đồng.

[5]. Quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 26; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; 271; 273; Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ các 513; 519, 357, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Dương Quang T với bị đơn anh Đinh Văn M.

1. Buộc anh Đinh Văn M phải thanh toán trả ông Dương Quang T số tiền công còn nợ là: 236.785.000 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 28/12/2023 đến ngày 28/01/2025 là: 25.651.708 đồng. Tổng số tiền gốc và lãi là: 262.436.708 đồng (Hai trăm sáu mươi hai triệu, bốn trăm ba mươi sáu nghìn, bảy trăm linh tám đồng.)

2. Về lãi suất: kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, anh Đinh Văn M tiếp tục phải chịu lãi suất 10%/năm trên dư nợ gốc chưa thanh toán cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

3. Về án phí: anh Đinh Văn M phải chịu số tiền án phí Dân sự sơ thẩm là 13.121.835 đồng (Mười ba triệu, một trăm hai mươi hai nghìn một nghìn, tám trăm ba mươi lăm đồng. Giảm cho anh M 50% tiền án phí anh M phải chịu theo quy định tại khoản 1 Điều 13 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14, anh M còn phải nộp số tiền án phí là: 6.560.917 đồng (Sáu triệu, năm trăm sáu mươi nghìn, chín trăm mười bảy đồng.)

Hoàn trả nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 6.573.250 đồng (Sáu triệu, năm trăm bảy mươi ba nghìn, hai trăm năm mươi đồng.) theo đã

biên lai số 0012107 ngày 31/12/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Ứng Hòa, Tp ..

4. Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDTP Hà Nội;
- VKSND huyện Ứng Hòa;
- Chi cục THADS huyện Ứng Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thanh Minh